Ch10 - Mười Pháp - XV. Phẩm Thánh Đạo (Ariyavagga)

Kinh Tăng Chi Bộ (VNC PHVN, 2021)

CHƯƠNG X. MƯỜI PHÁP 1283

XV PHẨM THÁNH ĐẠO (ARIYWAGGA)

I. KINH THÁNH ĐẠO (Ariyamaggasuttà)^ (4 V. 244) 145. (Như kinh 135, chỉ thay thế "Thánh đạo và phi Thánh dạo"). IL KINH HẮC ĐẠO (Kanhamaggasutta)^ (A. V. 244) 146. (Như kinh 135, chỉ thay thế "hắc đạo và bạch dạo"). III. KINH DIỆU PHÁP (Saddhammasuttd)^5 (4 V. 245) 147. (Như kinh 135, chỉ thay thế "Diệu pháp và phi Diệu pháp"). IV KINH PHÁP BẬC CHÂN NHÂN (Sappurísadhammasutta)^ (AV.245) • 1

148. (Như kinh 135, chỉ thay thế "chân nhân pháp và phi chân nhân ph9p"). V KINH CÀN KHỞI LÊN (Uppãdetabbasutta) (Ắ. V. 245) 149. (Như kinh 135, chỉ thay thế "cần khởi lên và không cần khởi 18n"). VI. KINH CẦN THỰC HÀNH (Ẫsevitabbasutta) (4 V. 246) 150. (Như kinh 135, chỉ thay thế "cần phải thực hành và không cần phải thực hanh^

VII. KINH CẢN TU TẬP (Bhãvetabbasutta) (A. V. 246) 151. (Như kinh 135, chỉ thay thế "cần phải tu tập và không cần phải tu tap"). VIII. KINH CÀN LÀM SUNG MÃN (Bahuỉĩkãtabbasutta) (Ẩ. V. 246) 152. (Như kinh 135, chỉ thay thê "cân phải làm sung mãn và không cân phải làm sung mãn"). IX. KINH CÀN PHẢI NHỚ (Anussaritabbasutta) (4 V. 247) 153. (Như kinh 135, chỉ thay thế "cần phải nhớ và không cần phải nh<y‘)

183 Bản tiếng Anh của PTS: Arỉyan and ưnarìyan, nghĩa là Thảnh và phàm. 184 Bản tiếng Anh của PTS: Bright Way and Dark Way, nghĩa là Bạch đạo và hắc đạo. 185 Bản tiếng Anh của PTS: True Dhamma and False Dhamma, nghĩa là Diệu pháp và phỉ Diệu pháp 186 Bản tiếng Anh của PTS: Very Man Dhamma and Its Opposite, nghĩa là Chân nhân pháp và phỉ Chân nhân pháp.

1284 KINH TẢNG CHI Bộ

X. KINH CẦN CHỨNG NGỘ (Sacchikãtabbasutta) (A. V. 247) 154. (Như kinh 135, chỉ thay thế "cần phải chứng ngộ và không cần phải chứng ngộ^,).

XVI. PHẨM NGƯỜI (PUGGALAK4GGA)

I. KINH NÊN THÂN CẬN (Sevitabbasutta)^1 (4 V. 247) 155. Người thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo9 là người không nên thân cận. Thế nào là mười? Người có tà kiến, tà tư duy... tà giải thoát. Người thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo5 là người không nên thân cận. Người thành tựu mười pháp này, này các Tỷ-kheo, là người nên thân cận. Thế nào là mười? Người có Chánh kiến... chánh giải thoát. Người thành tựu mười pháp này? này các Tỷ-kheo5 là người nên thân cận. II-XII. NHÓM KINH BẮT ĐÀU BẰNG KINH NÊN GIAO THIỆP (Bhạịitabbãdisuttãnỉ)187188 (A, V. 248) 156-166. Thành tựu với mười pháp này? này các Tỷ-kheo, không nên giao thiệp... nên giao thiệp... không nên hâu hạ... nên hâu hạ... không nên đảnh lê... nên đảnh lễ... không nên tán thán... nên tán thán... không nên tôn trọng... nên tôn trọng... không nên tỏ sự cung

kính... nên tỏ sự cung kính... không thành công... thành công... không thanh tịnh... có thanh tịnh... không chinh phục mạn... có chinh phục mạn... không tăng trưởng với trí tuệ... có tăng trưởng với trí tuệ... tạo nhiêu phi công đức... tạo nhiêu công đức. Thê nào là mười? Chánh kiến... chánh giải thoát. Thành tựu với mười pháp này, này các Tỷ-kheo, là người tạo nhiều công đức.

187 Bản tiếng Anh của PTS: Not to Be Followed, nghĩa là Không nên thân cận. 188 Bản tiếng Anh của PTS: Various Persons, nghĩa là Nhiều người khác nhau.

Nguồn: Giảng Sư (giangsu.io.vn) — văn bản trích từ kho sách cổ và kinh điển.